

Bản án số: 70/2022/DS-ST

Ngày: 08 - 8 - 2022

V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc H.

2. Ông Liêu K.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-DS ngày 25/4/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXX-DS ngày 04/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 20/7/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Phạm Thanh P , sinh năm 1980.

Địa chỉ: khóm T, phường M, thành phố L , tỉnh A .

Người đại diện theo ủy quyền của ông P là: ông Nguyễn Tấn P , sinh năm 1981. (Có mặt).

Địa chỉ: 925A, đường V, phường Đ, thành phố L, tỉnh A (Văn bản ủy quyền được Văn Phòng công chứng H công chứng số 001255, quyền số 03/2022.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2022)

2. Bị đơn: ông Trần Thanh G , sinh năm 1991. (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã P , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 01/4/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Thanh P (do ông

Nguyễn Tấn P , đại diện) trình bày: ông Phạm Thanh P là người thu mua lúa, sau đó bán lại cho ông Trần Thanh G từ năm 2020 đến nay. Các lần giao dịch mua bán, ông G có trả tiền cho ông P và cũng còn thiếu lại. Đến ngày 28/01/2022, ông Trần Thanh G có ký Giấy nợ ông Phạm Thanh P tiền lúa là 82.260.000 đồng. Ông G xác nhận sẽ trả cho ông P trong tháng 3 năm 2022. Đến thời hạn thanh toán, ông P đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông G cố tình né tránh, không thực hiện.

Tại đơn khởi kiện, ông P yêu cầu ông G có trách nhiệm trả cho ông P số tiền gốc và lãi tính đến ngày 31/3/2022 là 85.950.000 đồng (trong đó tiền gốc 82.260.000 đồng và tiền lãi 18%/năm từ ngày 28/01/2022 đến ngày 31/3/2022 là 3.690.000 đồng); yêu cầu tính lãi suất phát sinh đến khi xét xử. Nay, ông P thay đổi yêu cầu về mức lãi suất, chỉ yêu cầu ông G có trách nhiệm trả cho ông P số tiền gốc 82.260.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/01/2022 đến khi xét xử.

Bị đơn ông Trần Thanh G vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên tự từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tuyên:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số nợ gốc 82.260.000 đồng.

+ Lãi suất: buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 4.111.354 đồng.

Tổng cộng gốc, lãi là 86.371.354 đồng.

+ Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp dân sự về Hợp đồng mua bán, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Thanh G có địa chỉ tại xã Phú Thuận, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Thanh G đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập, ông G đều vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông G theo thủ tục chung.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, nguyên đơn căn cứ vào Giấy công nợ lập ngày 28/01/2022 do bị đơn ông Trần Thanh G trực tiếp ký tên, đề yêu cầu bị đơn trả cho nguyên đơn tiền mua lúa còn nợ là 82.260.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/01/2022 đến khi xét xử.

[4] Tại biên bản xác minh ngày 25/4/2022 được Công an xã Phú Thuận, huyện T, tỉnh A cung cấp thông tin như sau: ông Trần Thanh G, sinh năm 1991; có đăng ký hộ khẩu tại ấp H, xã P, huyện T, tỉnh A nhưng vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ thời gian trở về. Do đó, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, ông G không đến tham gia các phiên hòa giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ nêu trên.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, giao dịch mua bán lúa giữa ông Phạm Thanh P và ông Trần Thanh G thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng; hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại các điều 119, 398 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông G vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên ông P yêu cầu ông G trả số tiền gốc 82.260.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất 10%/năm trên số tiền gốc 82.260.000 đồng, tính từ ngày 28/01/2022 đến ngày xét xử.

Xét thấy, ông G ký Giấy công nợ ngày 28/01/2022, không thể hiện rõ lãi suất và đến nay vẫn chưa thanh toán gốc và lãi nên ông P yêu cầu trả lãi suất 10%/năm là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 28/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/8/2022) là 06 tháng 11 ngày, lãi suất 10%/năm (tương đương 0,833%/tháng). Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn tự nguyện làm tròn thời gian tính lãi là 06 tháng. Như vậy, lãi suất được tính như sau:

Số tiền gốc (82.260.000 đồng x 0,833%) x 06 tháng = 4.111.354 đồng.

Tổng số gốc và lãi là: 82.260.000 đồng + 4.111.354 đồng = 86.371.354 đồng.

Do đó, buộc ông Trần Thanh G phải trả cho ông Phạm Thanh P tiền gốc và lãi là 86.371.354 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bị buộc phải trả số tiền trên, nên ông Trần Thanh G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Thanh P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh P .

1.1. Buộc ông Trần Thanh G có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh P tổng số tiền gốc và lãi là 86.371.354 đồng (tám mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng), (trong đó gốc là 82.260.000 đồng; lãi là 4.111.354 đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Trần Thanh G phải chịu 4.318.568 đồng (bốn triệu, ba trăm mười tám nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Ông Phạm Thanh P không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.149.000 đồng (hai triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009143, ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A .

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H